UỶ BAN NHÂN DÂN **XÃ KỲ VĂN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 160 /QĐ -UBND	*Kỳ Văn, ngày 29 tháng 8 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố công khai quyết toán ngân sách năm 2023

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13 ngày 25/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Nghị quyết số 43/NQ-HĐND ngày 16/7/2024 của HĐND xã Kỳ Văn về việc phê chuẩn quyết toán ngân sách địa phương năm 2023;

Xét đề nghị của Ban Tài chính xã.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu quyết toán ngân sách năm 2023 (theo các biểu kèm theo Quyết định này).

Điều 2. Giao Ban Tài chính xã thực hiện công khai số liệu quyết toán ngân sách xã năm 2023 theo đúng quy định của pháp luật.

Ban Văn hóa – Truyền thông xã đăng tải Quyết định công bố công khai quyết toán ngân sách năm 2023 lên Trang thông tin điện tử xã Kỳ Văn để các cơ quan, đơn vị, nhân dân được biết.

Điều 3. Văn phòng HĐND và UBND xã, Ban Tài chính xã, các ban ngành có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận: - Chủ tịch các PCT UBND xã - Các ban ngành liên quan; - Lưu: VT.	**TM.ỦY BAN NHÂN DÂN** **CHỦ TỊCH** **Nguyễn Cao Cường**

UBND XÃ KỲ VĂN

CÂN ĐỐI QUYẾT TOÁN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2023

Phần thu	Thu NS cấp xã	Phần chi	Chi NS cấp xã
TỔNG SỐ THU		TỔNG SỐ CHI	
A. Tổng số thu cân đối ngân sách	**19.872.624.805**	**A. Tổng số chi cân đối ngân sách**	**19.872.454.318**
1. Các khoản thu NSĐP hưởng 100%	246.665.800	1. Chi đầu tư phát triển	8.182.419.000
2. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ %	2.237.553.493	2. Chi thường xuyên	9.782.862.596
3. Thu kết dư ngân sách năm trước	100.691.012	3. Chi bổ sung ngân sách cấp dưới	
4. Thu chuyển nguồn từ năm trước sang	370.000.000	4. Chi nộp ngân sách cấp trên	
5. Thu viện trợ		5. Chi chuyển nguồn sang năm sau	1.907.172.722
6. Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	16.917.714.500		
- Thu bổ sung cân đối ngân sách	5.179.054.000		
- Thu bổ sung có mục tiêu	11.738.660.500		
7. Thu ngân sách cấp dưới nộp lên			
Kết dư ngân sách năm quyết toán	**170.487**		

Ngày 14 tháng 6 năm 2024

KẾ TOÁN NGÂN SÁCH XÃ

Dương Thị Vân Nga

Ngày 14 tháng 6 năm 2024

TM. UỶ BAN NHÂN DÂN XÃ

CHỦ TỊCH

Nguyễn Cao Cường

Tỉnh: Hà Tĩnh
Huyện: Kỳ Anh
Xã: Kỳ Văn

Mẫu biểu số 08

TỔNG HỢP QUYẾT TOÁN THU NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2023

(Ban hành kèm theo Thông tư số 344/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính)

Đơn vị: đồng

Nội dung	Dự toán		Quyết toán		So sánh (%)	
	Thu NSNN	Thu NSX	Thu NSNN	Thu NSX	Thu NSNN	Thu NSX
	1	2	3	4	5 = 3/1	6 = 4/2
Tổng số thu	**11.250.361.000**	**8.030.861.000**	**24.037.539.120**	**19.872.624.605**	**213,66**	**247,45**
I. Các khoản thu 100%	**98.000.000**	**98.000.000**	**246.665.800**	**246.665.800**	**251,70**	**251,70**
1. Phí, lệ phí	18.000.000	18.000.000	21.219.000	21.219.000	117,88	117,88
2. Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác	40.000.000	40.000.000	225.446.800	225.446.800	563,62	563,62
Thu từ quỹ đất công ích			90.777.000	90.777.000		
Thu từ hoa lợi công sản trên đất công						
Thu tiền đền bù khi nhà nước thu hồi đất			134.669.800	134.669.800		
3. Thu từ hoạt động kinh tế và sự nghiệp						
4. Thu phạt, tịch thu khác theo quy định						
5. Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước theo quy định						
6. Đóng góp của nhân dân theo quy định						
7. Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân						
8. Thu khác	40.000.000	40.000.000				
II. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)	**6.010.000.000**	**2.790.500.000**	**6.402.467.608**	**2.237.553.493**	**106,53**	**80,18**
1. Các khoản thu phân chia	245.000.000	199.000.000	101.060.417	84.271.205	41,25	42,35
1.1. Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	5.000.000	5.000.000	12.314.342	12.314.342	246,29	246,29
1.2. Thuế sử dụng đất nông nghiệp thu từ hộ gia đình						
1.3. Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh	10.000.000	10.000.000	14.800.000	12.800.000	148,00	128,00
1.4. Lệ phí trước bạ nhà, đất	230.000.000	184.000.000	73.946.075	59.156.863	32,15	32,15
2. Các khoản thu phân chia khác do cấp tỉnh quy định	5.765.000.000	2.591.500.000	6.301.407.391	2.153.282.288	109,30	83,09
Thuế giá trị gia tăng-CN	60.000.000	42.000.000	106.570.764	72.806.395	177,62	173,35
2.1. Thu tiền sử dụng đất	5.000.000.000	2.500.000.000	2.133.343.876	1.066.671.938	42,67	42,67
2.2. Thu tiền thuê mặt đất, mặt nước	85.000.000	25.500.000	42.835.148	12.850.545	50,39	50,39
2.3. Thuế tài nguyên			2.623.307.882	787.192.367		
2.4. Thuế giá trị gia tăng-DN	120.000.000	24.000.000	1.076.314.799	213.761.043	896,93	890,67
2.5. Thuế thu nhập doanh nghiệp						
2.6. Thuế thu nhập cá nhân	500.000.000		319.034.922		63,81	
2.7. Thuế tiêu thụ đặc biệt						
III. Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)						
IV. Thu chuyển nguồn			370.000.000	370.000.000		
V. Thu kết dư ngân sách năm trước			100.691.012	100.691.012		
VI. Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	**5.142.361.000**	**5.142.361.000**	**16.917.714.500**	**16.917.714.500**	**328,99**	**328,99**

Tỉnh: Hà Tĩnh
Huyện: Kỳ Anh
Xã: Kỳ Văn

Nội dung	Dự toán		Quyết toán		So sánh (%)	
	Thu NSNN	Thu NSX	Thu NSNN	Thu NSX	Thu NSNN	Thu NSX
	1	2	3	4	5 = 3/1	6 = 4/2
1. Bổ sung cân đối ngân sách	5.142.361.000	5.142.361.000	5.179.054.000	5.179.054.000	100,71	100,71
2. Bổ sung có mục tiêu			11.738.660.500	11.738.660.500		

Ngày 18 tháng 6 năm 2024

Bộ phận tài chính, kế toán xã

Dương Thị Vân Nga

TM. UBND xã
Chủ tịch
(ký tên và đóng dấu)

Nguyễn Cao Cường

Tỉnh: Hà Tĩnh
Huyện: Kỳ Anh
Xã: Kỳ Văn

Mẫu biểu số

TỔNG HỢP QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2023

(Ban hành kèm theo Thông tư số 344/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính)

Đơn vị: đồng

Nội dung	Dự toán			Quyết toán			So sánh (%)		
	Tổng số	ĐTPT	TX	Tổng số	ĐTPT	TX	Tổng số	ĐTPT	TX
I	2	3	4	5	6	7	8 = 5/2	9 = 6/3	10 = 7/4
Tổng số chi	**8.030.661.900**	**2.500.000.000**	**5.530.861.900**	**19.872.454.318**	**8.182.419.000**	**11.690.035.318**	**247,45**	**327,30**	**211,36**
1. Chi công tác dân quân tự vệ, trật tự an toàn xã hội	498.737.000		498.737.000	353.071.365		353.071.365	70,79		70,79
1.1. Chi dân quân tự vệ	367.217.000		367.217.000	307.148.332		307.148.332	83,64		83,64
1.2. Chi trật tự an toàn xã hội	131.520.000		131.520.000	45.923.033		45.923.033	34,92		34,92
2. Chi giáo dục	10.000.000		10.000.000						
3. Chi ứng dụng, chuyển giao công nghệ									
4. Chi y tế	47.912.000		47.912.000	47.376.000		47.376.000	98,88		98,88
5. Chi văn hóa, thông tin	72.880.000		72.880.000	257.261.000		257.261.000	353,02		353,02
6. Chi phát thanh, truyền thanh	30.000.000		30.000.000						
7. Chi thể dục, thể thao	50.000.000		50.000.000	72.200.000		72.200.000	144,40		144,40
8. Chi bảo vệ môi trường	50.000.000		50.000.000						
9. Chi các hoạt động kinh tế	2.663.559.000	2.500.000.000	163.559.000	5.090.427.000	4.156.637.000	933.790.000	191,11	166,27	570,92
9.1. Giao thông				3.111.949.000	3.111.949.000				
9.2. Nông - lâm - thủy lợi - hải sản	113.559.000		113.559.000	1.978.478.000	1.044.688.000	933.790.000	1.742,25		822,30
9.3. Thị chính									
9.4. Thương mại, du lịch									
9.5. Các hoạt động kinh tế khác	2.550.000.000	2.500.000.000	50.000.000						
10. Chi quản lý Nhà nước, Đảng, đoàn thể	4.123.359.900		4.123.359.900	13.506.749.953	4.025.782.000	9.480.967.953	327,57		229,93
Trong đó: Quỹ lương				3.161.195.967		3.161.195.967			
10.1. Quản lý Nhà nước	2.781.469.900		2.781.469.900	11.936.923.666	4.025.782.000	7.911.141.666	429,16		284,42
10.2. Đảng Cộng sản Việt Nam	718.385.000		718.385.000	833.870.240		833.870.240	116,08		116,08
10.3. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam	157.601.000		157.601.000	196.684.371		196.684.371	124,80		124,80

Tỉnh: Hà Tĩnh
Huyện: Kỳ Anh
Xã: Kỳ Văn

Nội dung	Dự toán			Quyết toán			So sánh (%)		
	Tổng số	ĐTPT	TX	Tổng số	ĐTPT	TX	Tổng số	ĐTPT	TX
1	2	3	4	5	6	7	8 = 5/2	9 = 6/3	10 = 7/4
10.4. Đoàn Thanh niên Cộng sản HCM	110.097.000		110.097.000	123.330.602		123.330.602	112,02		112,02
10.5. Hội Liên hiệp Phụ nữ	111.934.000		111.934.000	144.126.073		144.126.073	128,76		128,76
10.6. Hội Cựu chiến binh	71.686.000		71.686.000	98.257.250		98.257.250	137,07		137,07
10.7. Hội Nông dân	172.187.000		172.187.000	173.557.751		173.557.751	100,80		100,80
10.8. Chi hỗ trợ khác (nếu có)									
11. Chi cho công tác xã hội	337.368.000		337.368.000	545.349.000		545.349.000	161,65		161,65
11.1. Trợ cấp hàng tháng cho cán bộ xã nghỉ việc theo chế độ quy định và trợ cấp khác	337.368.000		337.368.000	383.229.000		383.229.000	113,59		113,59
11.2. Trẻ mồ côi, người già không nơi nương tựa									
11.3. Trợ cấp xã hội									
11.4. Chính sách và hoạt động phục vụ người có công với cách mạng				118.920.000		118.920.000			
11.5. Khác				43.200.000		43.200.000			
12. Chi khác									
13. Dự phòng	147.046.000		147.046.000						
14. Chi chuyển nguồn sang ngân sách năm sau									

Ngày 11 tháng 6 năm 2024

Bộ phận tài chính, kế toán xã

Dương Thị Vân Nga

TM. UBND xã
Chủ tịch
(ký tên và đóng dấu)

Nguyễn Cao Cường

CHỦ ĐẦU TƯ: UBND XÃ KỲ VĂN

Mẫu số 01/QTND

(Ban hành kèm theo Thông tư số 96/2021/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

BÁO CÁO QUYẾT TOÁN VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC THEO NĂM NGÂN SÁCH 2023

Đơn vị tính đồng

STT	Nội dung	Địa điểm mở tài khoản	Mã dự án đầu tư	Tổng mức đầu tư	Lũy kế vốn đã giải ngân từ khởi công đến hết năm ngân sách trước năm quyết toán: Tổng số	Lũy kế…: Trong đó: vốn tạm ứng theo chế độ chưa thu hồi	Số vốn tạm ứng theo chế độ chưa thu hồi của các năm trước nộp điều chỉnh giảm trong năm quyết toán	Thanh toán khối lượng hoàn thành trong năm quyết toán phần vốn tạm ứng theo chế độ chưa thu hồi từ khởi công đến hết năm ngân sách trước năm quyết toán	Kế hoạch và giải ngân vốn kế hoạch các năm trước được kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm quyết toán: Vốn kế hoạch được kéo dài	Giải ngân: Tổng số	Giải ngân: Thanh toán khối lượng hoàn thành	Giải ngân: Vốn tạm ứng	Vốn kế hoạch tiếp tục được phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm sau năm quyết toán (nếu có)	Số vốn còn lại chưa giải ngân hủy bỏ (nếu có)	Kế hoạch và giải ngân vốn kế hoạch năm quyết toán: Vốn kế hoạch năm quyết toán	Giải ngân: Tổng số	Giải ngân: Thanh toán khối lượng hoàn thành	Giải ngân: Vốn tạm ứng	Vốn kế hoạch được phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm sau năm quyết toán (nếu có)	Số vốn còn lại chưa giải ngân hủy bỏ (nếu có)	Tổng số vốn đã thanh toán khối lượng hoàn thành được quyết toán trong năm quyết toán	Lũy kế vốn tạm ứng theo chế độ chưa thu hồi đến hết năm quyết toán chuyển sang các năm sau	Lũy kế số vốn đã giải ngân từ khởi công đến hết năm quyết toán
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11=12+13	12	13	14	15=10-11-14	16	17=18+19	18	19	20	21=16-17-20	22=9+12+18	23=7-8-9+13+19	24=6+9+11+17
	TỔNG SỐ			19.037.889.211	2.686.000.000	0	0	0	0	0	0	0	0	0	9.233.137.000	8.182.419.000	8.182.419.000	0	0	1.050.718.000	8.182.419.000	0	11.868.419.000
A.1	Các dự án thuộc kế hoạch năm 2022:																						
1	Vốn ngân sách nhà nước theo ngành, lĩnh vực:			19.037.889.211	2.686.000.000	0	0	0	0	0	0	0	0	0	9.233.137.000	8.182.419.000	8.182.419.000	0	0	1.050.718.000	8.182.419.000	0	11.068.419.000
I	Sự nghiệp Giáo dục (070)			0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
1.1	Giáo dục mầm non (071)			0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
2	Thủy lợi và dịch vụ thủy lợi (283)			4.035.945.211	920.000.000	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1.372.822.000	1.232.169.000	1.232.169.000	0	0	140.653.000	1.232.169.000	0	2.152.169.000
	Mương thoát nước tuyến đường trục xã thôn Liên Sơn	KBNN Kỳ Anh	7982519	1.022.754.000	920.000.000	0									20.193.000	20.192.000	20.192.000			1.000	20.192.000		940.192.000
	Mương thoát nước trục xã thôn Liên Sơn (Đoạn 2), xã Kỳ Văn	KBNN Kỳ Anh	8062883	243.902.000											189.829.000	187.481.000	187.481.000			2.348.000	187.481.000		187.481.000

STT	Nội dung	Địa điểm mở tài khoản	Mã dự án đầu tư	Tổng mức đầu tư	Lũy kế vốn đã giải ngân từ khởi công đến hết năm ngân sách trước năm quyết toán		Số vốn tạm ứng theo chế độ chưa thu hồi của các năm trước nhưng phải điều chỉnh giảm trong năm quyết toán	Thanh toán khối lượng hoàn thành trong năm quyết toán nhưng vốn tạm ứng theo chế độ chưa thu hồi từ khởi công đến hết năm ngân sách trước năm quyết toán	Kế hoạch và giải ngân vốn kế hoạch các năm trước được kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm quyết toán					Kế hoạch và giải ngân vốn kế hoạch năm quyết toán					Tổng số vốn đã thanh toán khối lượng hoàn thành được quyết toán trong năm quyết toán	Lũy kế vốn tạm ứng theo chế độ chưa thu hồi đến hết năm quyết toán chuyển sang các năm sau	Lũy kế số vốn đã giải ngân từ khởi công đến hết năm quyết toán
					Tổng số	Trong đó vốn tạm ứng theo chế độ chưa thu hồi			Vốn kế hoạch được kéo dài	Giải ngân			Vốn kế hoạch tiếp tục được phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm sau năm quyết toán (nếu có)	Số vốn còn lại chưa giải ngân hủy bỏ (nếu có)	Vốn kế hoạch năm quyết toán	Giải ngân			Vốn kế hoạch được phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm sau năm quyết toán (nếu có)	Số vốn còn lại chưa giải ngân hủy bỏ (nếu có)			
										Tổng số	Thanh toán khối lượng hoàn thành	Vốn tạm ứng			Tổng số	Thanh toán khối lượng hoàn thành	Vốn tạm ứng				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11=12+13	12	13	14	15=10-11-14	16	17= 18+19	18	19	20	21=16-17-20	22=9+12+18	23=7-8 24=13+19	25=6-8+11+17
	Kênh nội đồng từ kênh N24 đi Bà Mầu xã Kỳ Văn	KBNN Kỳ Anh	8043118	482.707.000											450.000.000	439.830.000	439.830.000			10.170.000	439.830.000		439.830.000
	Rãnh thoát nước đường GTNT xã Kỳ Văn 2022	KBNN Kỳ Anh	8009263	601.516.000											95.150.000	95.150.000	95.150.000			0	95.150.000		95.150.000
	Rãnh thoát nước đường GTNT xã Kỳ Văn 2023	KBNN Kỳ Anh	8071852	170.921.000											41.200.000	16.318.000	16.318.000			24.882.000	16.318.000		16.318.000
	Kênh mương nội đồng xã Kỳ Văn 2023	KBNN Kỳ Anh	8071851	864.385.211	0	0									290.550.000	287.298.000	287.298.000			103.252.000	287.298.000		287.298.000
	Kênh mương nội đồng xã Kỳ Văn 2022	KBNN Kỳ Anh	8009253	650.764.000	0	0									185.900.000	185.900.000	185.900.000			0	185.900.000		185.900.000
3	Giao thông đường bộ (292)			7,544,072,000	1.516.000.000	0	0	0	0	0	0	0	0	0	3.685.235.000	3.012.458.000	3.012.458.000	0	0	672.817.000	3.012.458.000	0	4,528,458,000
	Phục hồi mặt đường BTXM trục xã đoạn từ đường Văn Tây đến mương Sông rác	KBNN Kỳ Anh	7971918	1.852.336.000	1.050.000.000										780.000.000	686.708.000	686.708.000			93.292.000	686.708.000		1.736.708.000
	Sửa chữa đường giao thông nội đồng và mương thoát nước phục vụ SX thôn Nam Mỹ Lợi	KBNN Kỳ Anh	8007948	234.081.000	170.000.000										88.030.000	88.030.000	88.030.000			0	88.030.000		258.030.000
	Phục hồi mặt đường BTTX trục xã từ thôn Văn Lạc đến thôn Mỹ Liên (Đường thảm nhựa Carboncor từ đường Văn Tây đi cầu ông Nỗ)	KBNN Kỳ Anh	8057246	1.453.244.000											1.340.280.000	1.187.280.000	1.187.280.000			153.000.000	1.187.280.000		1.187.280.000
	Nâng cấp đường GTNT Liên Sơn-Văn Lạc (Nhà thờ họ Nguyễn Mậu)	KBNN Kỳ Anh	8063695	987.983.000											806.000.000	380.000.000	380.000.000			426.000.000	380.000.000		380.000.000

STT	Nội dung	Địa điểm mở tài khoản	Mã dự án đầu tư	Tổng mức đầu tư	Luỹ kế vốn đã giải ngân từ khởi công đến hết năm ngân sách trước năm quyết toán		Số vốn tạm ứng theo chế độ chưa thu hồi của các năm trước nộp điều chỉnh giảm trong năm quyết toán	Thanh toán khối lượng hoàn thành trong năm quyết toán phần vốn tạm ứng theo chế độ chưa thu hồi từ khởi công đến hết năm ngân sách trước năm quyết toán	Kế hoạch và giải ngân vốn kế hoạch các năm trước được kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm quyết toán					Kế hoạch và giải ngân vốn kế hoạch năm quyết toán						Tổng số vốn đã thanh toán khối lượng hoàn thành được quyết toán trong năm quyết toán	Lũy kế vốn tạm ứng theo chế độ chưa thu hồi đến hết năm quyết toán chuyển sang các năm sau	Lũy kế số vốn đã giải ngân từ khởi công đến hết năm quyết toán
					Tổng số	Trong đó: vốn tạm ứng theo chế độ chưa thu hồi			Vốn kế hoạch được kéo dài	Giải ngân			Vốn kế hoạch tiếp tục được phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm sau năm quyết toán (nếu có)	Số vốn còn lại chưa giải ngân hủy bỏ (nếu có)	Vốn kế hoạch năm quyết toán	Giải ngân			Vốn kế hoạch được phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm sau năm quyết toán (nếu có)	Số vốn còn lại chưa giải ngân hủy bỏ (nếu có)			
										Tổng số	Thanh toán khối lượng hoàn thành	Vốn tạm ứng			Tổng số	Thanh toán khối lượng hoàn thành	Vốn tạm ứng					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11=12+13	12	13	14	15=10-11-14	16	17=18+19	18	19	20	21=16-17-20	22=9+12+18	23=7-8-9+13+19	24=6+11+17
	Đường giao thông nông thôn xã Kỳ Văn 2023	KBNN Kỳ Anh	8071553	1.277.259.000											608.015.000	605.490.000	605.490.000			525.000	605.490.000		605.490.000
	Đường giao thông nông thôn xã Kỳ Văn 2022	KBNN Kỳ Anh	8009262	1.689.169.000	296.000.000										64.990.000	64.990.000	64.990.000			0	64.990.000		360.990.000
	Quản lý nhà nước (341)			7.507.872.000	250.000.000	0	0	0	0	0	0	0	0	0	4.175.000.000	3.937.752.000	3.937.752.000	0	0	237.248.000	3.937.752.000	0	4.387.752.000
	Xây hàng rào Trường TH và Trường THCS Kỳ Văn	KBNN Kỳ Anh	7994099	361.946.000	250.000.000										75.000.000	60.936.000	60.936.000			14.064.000	60.936.000		310.936.000
	Cầu Chăn Nuôi thôn Đại Đồng xã Kỳ Văn	KBNN Kỳ Anh	8041117	311.627.000											300.000.000	287.179.000	287.179.000			12.821.000	287.179.000		287.179.000
	Nhà vệ sinh học sinh trường TH và THCS Kỳ Văn	KBNN Kỳ Anh	8031050	394.824.000											100.000.000	100.000.000	100.000.000			0	100.000.000		300.000.000
	Trường TH và THCS Kỳ Văn. Hạng mục dãy nhà học bộ môn và phòng học 2 tầng 10 phòng	KBNN Kỳ Anh	8042579	5.905.345.000											3.200.000.000	3.000.000.000	3.000.000.000			200.000.000	3.000.000.000		3.000.000.000
	Trường TH và THCS Kỳ Văn. Hạng mục sửa chữa dãy nhà phòng học 2 tầng 8 phòng	KBNN Kỳ Anh	8037036	534.130.000	0										500.000.000	489.637.000	489.637.000			10.363.000	489.637.000		489.637.000

Kỳ Văn, ngày 14 tháng 6 năm 2024

KẾ TOÁN NGÂN SÁCH XÃ

Dương Thị Vân Nga

ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

Nguyễn Cao Cường

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN **XÃ KỲ VĂN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 43/NQ-HĐND	*Kỳ Văn, ngày 16 tháng 7 năm 2024*

NGHỊ QUYẾT
Phê chuẩn quyết toán thu-chi ngân sách năm 2023

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN XÃ KHÓA XX, KỲ HỌP THỨ 8

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13 ngày 25/6/2015;

Căn cứ Nghị định số: 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước;

Sau khi xem xét báo cáo của Ủy ban nhân dân xã về quyết toán thu chi ngân sách xã năm 2023, báo cáo thẩm định của Ban Pháp chế, Ban Kinh tế - xã hội và ý kiến thảo luận của các đại biểu HĐND xã tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phê chuẩn quyết toán thu, chi ngân sách năm 2023 như sau:

I. TỔNG THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC:

Tổng thu ngân sách nhà nước: 24.037.539.120 đồng; trong đó ngân sách xã hưởng: 19.872.624.805 đồng:

1. Thu ngân sách trên địa bàn: 2.484.219.293 đồng;
2. Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên: 16.917.714.500 đồng;
3. Thu chuyển nguồn năm 2022 chuyển sang: 370.000.000 đồng;
4. Thu kết dư ngân sách năm trước chuyển sang: 100.691.012 đồng.

II. TỔNG CHI NGÂN SÁCH: 19.872.454.318 đồng;

1. Chi đầu tư phát triển: 8.182.419.000 đồng;
2. Chi thường xuyên: 9.782.862.596 đồng;
3. Chi chuyển nguồn sang năm 2024: 1.907.172.722 đồng.

Kết dư ngân sách năm 2023: 170.487 đồng

(Có phụ lục báo cáo chi tiết kèm theo)

Điều 2. Hội đồng nhân dân xã giao cho UBND xã chỉ đạo Ban Tài chính thực hiện công tác quyết toán theo đúng quy định của Luật Ngân sách Nhà nước.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân xã khóa XX kỳ họp lần thứ 8 thông qua ngày 16 tháng 7 năm 2024./.

Nơi nhận:
- Thường trực HĐND huyện;
- Thường trực Đảng ủy;
- Thường trực HĐND;
- Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND xã;
- Đại biểu HĐND xã khóa XIX;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Tiến Điền